

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 18-3-2020

V/v “Tranh chấp tiền hụi và tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Trịnh Tôn Nám

Ông Trần Minh Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 về việc “*tranh chấp tiền hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Trúc L, sinh năm 1979.

Cư trú tại: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Đặng Hồng Đ, sinh năm 1980, trú lại: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 11 năm 2019).

Bị đơn:

1. Ông Võ Thanh D, sinh năm 1989 (vắng mặt).

2. Bà Lê Mỹ D1, sinh năm 1988.

Cùng cư trú tại: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Tại tờ tường trình ngày 07 tháng 02 năm 2020 bà D1 xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2019 nguyên đơn bà Cao Trúc L trình bày: Bà làm chủ hội, vợ chồng ông Võ Thanh D và bà Cao Mỹ D1 có tham gia chơi các dây hội và nợ tiền hội cụ thể như sau:

Vào ngày 25 tháng 01 năm 2017 âm lịch bà L có mở một dây hội, loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có 36 phần, hội mỗi tháng khai một lần; ông D, bà D1 tham gia hai phần hội và đã hốt hết hai phần hội. Sau khi hốt hội ông D, bà D1 đóng hội đến tháng 4 năm 2018 thì không đóng hội nữa; từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 8 năm 2019 ông D, bà D1 còn nợ 18 lần hội với số tiền 36.000.000 đồng; dây hội này chưa mãn.

Vào ngày 05 tháng 4 năm 2017 âm lịch bà L có mở một dây hội, loại hội 2.000.000 đồng, dây hội có 30 phần, hội mỗi tháng khai một lần; ông D, bà D1 tham gia một phần hội và đã hốt hội. Sau khi hốt hội ông D, bà D1 đóng hội đến tháng 4 năm 2018 thì không đóng hội nữa; từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 8 năm 2019 ông D, bà D1 còn nợ 17 lần hội với số tiền 34.000.000 đồng; dây hội này mãn vào tháng 8 năm 2019.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2017 âm lịch bà L có mở một dây hội, loại hội 500.000 đồng, dây hội có 37 phần, hội mỗi tháng khai hai lần; ông D, bà D1 tham gia một phần hội và đã hốt hội. Sau khi hốt hội ông D, bà D1 đóng hội đến tháng 4 năm 2018 thì không đóng hội nữa; từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 10 năm 2018 ông D, bà D1 còn nợ 14 lần hội với số tiền 7.000.000 đồng; dây hội này mãn vào tháng 10 năm 2018.

Vào ngày 15 tháng 6 năm 2017 âm lịch bà L có mở một dây hội, loại hội 500.000 đồng, dây hội có 34 phần, hội mỗi tháng khai hai lần; ông D, bà D1 tham gia hai phần hội và đã hốt hội. Sau khi hốt hội ông D, bà D1 đóng hội đến tháng 4 năm 2018 thì không đóng hội nữa; từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018 ông D, bà D1 còn nợ 24 lần hội với số tiền 12.000.000 đồng; dây hội này mãn vào tháng 10 năm 2018.

Vào ngày 05 tháng 7 năm 2017 âm lịch bà L có mở một dây hội, loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có 30 phần, hội mỗi tháng khai một lần; ông D, bà D1 tham gia một phần hội và đã hốt hội. Sau khi hốt hội ông D, bà D1 đóng hội đến tháng 4 năm 2018 thì không đóng hội nữa; từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 9 năm 2019 ông D, bà D1 còn nợ 18 lần hội với số tiền 18.000.000 đồng; dây hội này chưa mãn.

Vào ngày 10 tháng 7 năm 2017 âm lịch bà L có mở một dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 30 phần, hụi mỗi tháng khai một lần; ông D, bà D1 tham gia một phần hụi và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi ông D, bà D1 đóng hụi đến tháng 4 năm 2018 thì không đóng hụi nữa; từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 9 năm 2019 ông D, bà D1 còn nợ 18 lần hụi với số tiền 18.000.000 đồng; dây hụi này chưa mãn.

Vào ngày 20 tháng 12 năm 2017 âm lịch bà L có mở một dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 27 phần, hụi mỗi tháng khai một lần; ông D, bà D1 tham gia một phần hụi và đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi ông D, bà D1 đóng hụi đến tháng 4 năm 2018 thì không đóng hụi nữa; từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 8 năm 2019 ông D, bà D1 còn nợ 17 lần hụi với số tiền 17.000.000 đồng; dây hụi này chưa mãn.

Tổng cộng ông D, bà D1 nợ tiền hụi 142.000.000 đồng

Ngoài ra vợ chồng ông D, bà D1 có mượn của bà L số tiền 8.000.000 đồng. Tổng tiền hụi và tiền mượn ông D, bà D1 còn bà L số tiền 150.000.000 đồng. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà D1 trả số tiền 150.000.000 đồng.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 11 năm 2019 bị đơn ông Võ Thanh D trình bày: Ông D thừa nhận có chơi hụi do bà L làm chủ và còn nợ số tiền 142.000.000 đồng và có mượn bà L số tiền 8.000.000 đồng, ông đồng ý cùng bà D1 trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng.

- Tại tờ tường trình ngày 07 tháng 02 năm 2020 bà Lê Mỹ D1 trình bày: Bà thừa nhận có nợ tiền hụi và tiền mượn của bà L với số tiền là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong số tiền này một phần bà L là chủ hụi, do vợ chồng bà đóng trẻ, không có tiền trả hụi, bà L đã nói với bà là bà L đi vay của người khác để đóng hụi cho bà. Bà L vay tiền tháng, tiền ngày để đóng hụi sau đó bà L cộng dồn tiền vốn, liền lãi rồi lãi nhập vốn nên tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Ông đồng ý cùng ông D trả cho bà L 150.000.000 đồng nhưng hiện nay hoàn cảnh bà khó khăn nên bà yêu cầu được trả dần cho bà L.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Trúc L. Buộc ông Võ Thanh D và bà Lê Mỹ D1 trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Cao Trúc L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Thanh D và bà Lê Mỹ D1 trả tiền hụi và tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp tiền hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Võ Thanh D là bị đơn, được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Võ Thanh D. Bà Lê Mỹ D1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Mỹ D1.

[3] Tại phiên tòa bà Đ đại diện cho bà L yêu cầu ông D, bà D1 trả số tiền hui và tiền vay cho bà L với số tiền 150.000.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 11 năm 2019 ông D thừa nhận có nợ bà L tiền hui và tiền vay với số tiền 150.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng; tại tờ tường trình ngày 07 tháng 02 năm 2020 bà D1 thừa nhận có nợ bà L tiền hui và tiền vay với số tiền 150.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà L số tiền 150.000.000 đồng. Xét thấy việc ông D, bà D1 nợ bà L tiền hui và tiền vay với số tiền 150.000.000 đồng là có thật vì ông D và bà D1 đã thừa nhận. Do đó, bà L yêu cầu ông D, bà D1 trả tiền hui và tiền với tổng số tiền là 150.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà D1 cho rằng trong số tiền 150.000.000 đồng nợ bà L có tiền lãi tháng, lãi ngày và tiền lãi cộng vào vốn để tính lãi, nhưng bà D1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí, bà L đã nộp tạm ứng án phí 3.750.000 đồng được nhận lại. Ông D, bà D1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biểu phượng và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Cao Trúc L. Buộc ông Võ Thanh D và bà Lê Mỹ D1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Cao Trúc L số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí:

Bà Cao Trúc L không phải chịu án phí, bà Cao Trúc L đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019545 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà L được nhận lại khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Võ Thanh D và bà Lê Mỹ D1 có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều